

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HSST
Ngày 27/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí huyện C.

Ông Nguyễn Văn Mầm

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí huyện C.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử số: 04/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Tùng T - sinh năm: 1953; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Không xác định; chỗ ở: Sống lang thang; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Thúc K (đã chết), con bà Nguyễn Thị C (đã chết); vợ: Cao Thị L (đã ly hôn) và 02 người con; tiền sự: Không; tiền án: Có 02 tiền án:

+ Ngày 22/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, chấp hành xong ngày 29/4/2014. Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã nộp xong ngày 08/9/2017.

+ Ngày 13/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 01 năm tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, chấp hành xong ngày 05/7/2016. Án phí hình sự 200.000 đồng chưa thi hành.

Bị cáo bị tạm giam ngày 16/11/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Chị Ngô Đào M - Trợ giúp viên pháp lý -Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/9/2017 Nguyễn Tùng T bị Tòa án nhân dân huyện C áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt 01 năm tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/6/2018.

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 29/9/2019 T nằm ngủ ngoài hành lang tr ước Khoa Lao – Bệnh phổi của Bệnh viện Đa khoa huyện C. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 30/9/2019 T thức dậy nảy sinh ý định lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và quan sát thấy một cái bao bên trong có 04 cái chậu bông bằng nhựa màu trắng để ở gần cầu thang, T lấy trộm cái bao và đem cất giấu tại hành lang vỉa hè ngoài cổng bệnh viện. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, chị Bùi Thị Đ là Điều dưỡng trưởng của Khoa Lao – Bệnh phổi kiểm tra thì phát hiện bị mất 04 chậu bông bằng nhựa màu trắng nên trình báo Công an thị trấn C. Qua làm việc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 41/KL-HĐĐGTS, ngày 10/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 04 cái chậu bông bằng nhựa màu trắng còn 100% giá trị sử dụng tại thời điểm bị xâm hại là: 130.000 đồng x 04 cái = 520.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 07 tháng 01 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Tùng T về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s, x khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Tùng T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phía bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

Vị trợ giúp viên pháp lý trình bày ý kiến bào chữa cho bị cáo : Bị cáo đã già yếu và đã ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Bị cáo là thương binh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa , bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Sau khi ngủ thức dậy tại Khoa Lao – Bệnh phổi của Bệnh viện Đa khoa huyện C vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 30/9/2019, bị cáo đã lấy trộm 04 cái chậu bông bằng nhựa màu trắng giá trị 520.000 đồng với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân . Mặc dù giá trị tài sản do bị cáo lấy trộm được định giá có giá trị là 520.000 đồng, nhưng do bị cáo đã bị Tòa án xét xử và xử phạt về tội “ *Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không

chỉ vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; gây tâm lý lo âu cho người dân trong việc quản lý tài sản.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Tùng T phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không thuộc trường hợp để áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Bị cáo có giấy chứng nhận thương binh, thương tật hạng 4/4. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo thành người tốt và nhằm mục đích răn đe cho toàn xã hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đ đã nhận lại 02 cái chậu nhựa và 01 cái bao, còn 02 cái chậu nhựa không thu hồi được . Hiện chị Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí số tiền là 200.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tùng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Tùng T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 16/11/2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Tùng T phải chịu án phí số tiền là 200.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng